

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 57

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh và Văn phòng đại diện:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội.
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Bà Lê Thị Lê Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Phạm Minh Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

Số tham chiếu: 61141397/ 17685413-HN/LR

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con"), được trình bày từ trang 5 đến trang 57, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và các công ty con và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



Lê Quý Hiến
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1691-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		662.860.658.479	700.222.849.925
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	82.928.728.928	54.385.152.551
111	1. Tiền		21.301.115.262	43.232.892.565
112	2. Các khoản tương đương tiền		61.627.613.666	11.152.259.986
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		11.921.897.150	8.271.543.907
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	25.515.114.564	4.414.215.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(20.343.217.414)	(2.962.671.833)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	6.750.000.000	6.820.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		423.540.241.602	513.415.625.662
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	315.176.360.574	397.427.735.291
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	42.334.903.212	47.372.446.601
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	11.000.000.000	11.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	58.272.925.551	60.662.829.310
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1,8	(3.243.947.735)	(3.047.385.540)
140	IV. Hàng tồn kho	9	133.378.518.578	113.006.519.776
141	1. Hàng tồn kho		133.435.216.308	113.006.519.776
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(56.697.730)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.091.272.221	11.144.008.029
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	437.951.152	666.394.101
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.653.321.069	10.477.613.928

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		394.297.596.926	387.979.897.863
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		938.010.000	936.210.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	938.010.000	936.210.000
220	II. Tài sản cố định		167.542.206.284	174.150.070.221
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	159.020.753.622	163.124.460.128
222	Nguyên giá		215.078.376.133	206.068.607.800
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(56.057.622.511)	(42.944.147.672)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.521.452.662	11.025.610.093
228	Nguyên giá		22.373.993.457	21.937.393.457
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.852.540.795)	(10.911.783.364)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		63.578.907.565	47.220.055.917
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	63.578.907.565	47.220.055.917
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	130.308.942.005	138.574.259.059
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		9.223.603.612	13.249.150.784
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		123.711.049.500	144.403.982.001
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.625.711.107)	(19.078.873.726)
260	V. Tài sản dài hạn khác		31.929.531.072	27.099.302.666
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	24.128.476.106	18.400.692.016
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	2.407.904.966	2.226.830.650
269	3. Lợi thế thương mại	15	5.393.150.000	6.471.780.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.057.158.255.405	1.088.202.747.788

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		404.850.112.027	388.713.047.048
310	I. Nợ ngắn hạn		305.032.933.082	350.778.115.840
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	135.619.355.894	181.699.236.511
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	29.182.820.094	31.025.834.445
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.447.092.812	12.434.591.049
314	4. Phải trả người lao động		5.165.572.914	9.541.979.248
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.295.731.854	2.543.855.785
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
318	7. Doanh thu chưa thực hiện		5.362.240.600	5.002.024.920
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	18	92.787.152.511	28.899.742.028
320	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	25.377.059.889	74.094.827.699
321	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	2.443.820.337	2.830.487.978
322	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.352.086.177	2.705.536.177
330	II. Nợ dài hạn		99.817.178.945	37.934.931.208
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	92.316.342.854	33.290.524.217
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	7.500.836.091	4.644.406.991
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		652.308.143.378	699.489.700.740
410	I. Vốn chủ sở hữu		652.308.143.378	699.489.700.740
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	21.1	379.399.090.000	379.399.090.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		379.399.090.000	379.399.090.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	118.432.900.000	118.432.900.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	21.1	(401.500.000)	(71.500.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	35.491.718.001	36.101.340.540
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.1	5.243.466.369	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	97.264.633.547	142.832.618.776
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối kỳ trước		88.712.527.976	78.733.308.823
	- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này		8.552.105.571	64.099.309.953
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	16.877.835.461	17.595.251.424
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.057.158.255.405	1.088.202.747.788

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	258.747.226.828	111.885.519.061
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	258.747.226.828	111.885.519.061
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(193.123.188.361)	(71.287.341.629)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.624.038.467	40.598.177.432
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	3.386.138.520	10.221.258.505
22	6. Chi phí tài chính	26	(11.118.686.852)	(4.590.676.589)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.337.194.239)	(2.955.596.560)
45	7. Phần lỗ từ công ty liên kết	13.1	(103.990.321)	(951.642.679)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(11.567.125.981)	(4.173.547.595)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(36.590.032.588)	(34.157.592.854)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.630.341.245	7.897.618.899
31	11. Thu nhập khác	28	7.970.321.635	53.326.287
32	12. Chi phí khác	28	(8.749.164.499)	(312.251.524)
40	13. Lỗ khác	28	(778.842.864)	(258.925.237)
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		8.851.498.381	6.687.050.983
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.2	(1.197.883.089)	(441.990.846)
52	16. Thu nhập/(chi phí) thuế hoãn lại	30.3	181.074.316	(21.904.104)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		7.834.689.608	6.223.156.033
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		8.552.105.571	6.263.156.861
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	23	(717.415.963)	(40.000.828)


Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông B02a-DN/HN



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	209	137
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	209	137


Người lập
Chu Hồng Hạnh


Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015


Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		370.996.787.374	130.869.142.645
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(271.510.638.773)	(120.611.614.047)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(40.349.031.846)	(30.223.017.694)
04	Tiền chi trả lãi		(2.337.420.961)	(2.966.523.680)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.2	(7.482.516.006)	(1.859.807.382)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		73.753.264.080	6.474.382.098
07	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(58.435.911.678)	(28.576.373.028)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		64.634.532.190	(46.893.811.088)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(9.461.514.392)	(3.827.478.973)
22	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		92.727.273	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(6.750.000.000)	(21.080.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.748.000.000	2.560.000.000
25	Tiền chi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		(9.315.000.000)	-
26	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		3.293.511.032	5.742.202.068
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.499.400.219	12.011.265.711
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		107.124.132	(4.594.011.194)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	6.600.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(330.000.000)	(71.500.000)
33	Tiền thu từ đi vay		114.726.064.023	27.915.894.144
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(106.610.640.513)	(35.618.215.932)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(43.990.838.535)	(28.680.948.520)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(36.205.415.025)	(29.854.770.308)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		28.536.241.297	(81.342.592.590)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		54.385.152.551	102.431.720.910
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		7.335.080	6.445.902
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	82.928.728.928	21.095.574.222


Người lập
Chu Hồng Hạnh


Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh


Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh và Văn phòng đại diện:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội.
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty và Chi nhánh tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là: 214 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 212).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	99,45%	99,45%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Buôn bán kim loại, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.
2	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
3	Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom (i)	100%	100%	Tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin.
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn (ii)	52,39%	52,44%	91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	Thăm dò, khai thác quặng, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc (iii)	59,23%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học.
6	Công ty Cổ phần Elcom Plus (iv)	51,00%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất thiết bị truyền thông.
7	Công ty TNHH VTS Hải Phòng (v)	65,00%	65,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

- (i) Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 413041000048 do Ban Quản lý khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 5 năm 2011, Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 25 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 100% vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con này chưa đi vào hoạt động.
- (ii) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới.
- (iii) Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106518955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 4 năm 2014, Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 35 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 51% vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con này đang thực hiện dự án Quý thách thức Doanh nghiệp Việt Nam ("VBCF") theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông và VBCF ngày 14 tháng 4 năm 2014. Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.
- (iv) Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 0106659610 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 10 năm 2014, Công ty Cổ phần Elcom Plus được đăng ký thành lập với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 51% vốn góp.
- (v) Đây là công ty con được thành lập trong năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0106645015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 9 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Chứng từ ghi sổ.

2.3 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty và các công ty con áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty và các công ty con cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 35.

Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty và các công ty con áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 200 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc giữa kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	42 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ;
- ▶ Các chi phí khác.

CH
C
H
A
N
S
V
I
I
T
A
I
/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Mua tài sản

Công ty mua các công ty con sở hữu các dự án đầu tư hoặc các tài sản khác. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả được mua, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không khấu hao lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá lại xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng niên độ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2014 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2015
NH
TƯ
HỮU
QU
AM
QU
/15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch.
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

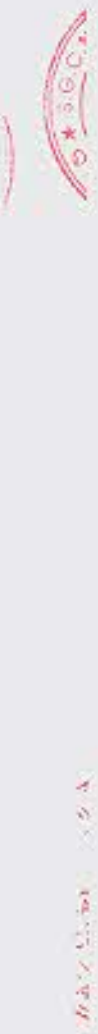
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc giữa niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền mặt	793.333.212	699.735.756
Tiền gửi ngân hàng	20.507.782.050	42.533.156.809
Các khoản tương đương tiền (*)	61.627.613.666	11.152.259.986
TỔNG CỘNG	82.928.728.928	54.385.152.551

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân 4,2%/năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	114.726.064.023	27.915.894.144
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(106.610.640.513)	(35.618.215.932)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh:						
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	67.295.740	102.966.900	-	67.295.740	102.966.900	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	4.346.920.000	1.384.248.167	(2.962.671.833)	4.346.920.000	1.384.248.167	(2.962.671.833)
- Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam (*)	21.100.898.824	(**)	(17.380.545.581)	-	-	-
TỔNG CỘNG	25.515.114.564	(20.343.217.414)	4.414.215.740	4.414.215.740	(2.962.671.833)	(2.962.671.833)

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-03/2015/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã thông qua chủ trương thoái vốn các khoản đầu tư tài chính không thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty và đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục về thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam trong năm 2015. Theo đó, khoản đầu tư này được phân loại sang đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

(**) Do cổ phiếu của Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam không được niêm yết trên thị trường nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu này.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	6.750.000.000	6.750.000.000	6.820.000.000	6.820.000.000
TỔNG CỘNG	6.750.000.000	6.750.000.000	6.820.000.000	6.820.000.000

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi với tổng số tiền 3.000.000.000 đồng có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt với lãi suất từ 5,1% đến 6,8%/năm và khoản tiền gửi 3.750.000.000 đồng có kỳ hạn 1 năm với lãi suất 5,5%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	314.683.574.641	397.264.535.291
- Công ty TNHH Comverse	82.288.618.661	106.657.528.800
- Công ty Thông tin Di động	31.418.547.000	10.197.082.805
- Công ty Dịch vụ Viễn thông Vinaphone	16.732.477.097	165.912.561.493
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel	17.846.327.583	17.846.327.583
- Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	14.130.263.697	15.681.538.987
- Công ty TNHH Hudson Capital Holding	29.170.661.000	29.639.136.000
- Cục Hàng hải Việt Nam	87.051.403.273	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	36.045.276.330	51.330.359.623
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	<u>492.785.933</u>	<u>163.200.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>315.176.360.574</u>	<u>397.427.735.291</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.402.447.735)	(1.436.960.540)

6.2 Trả trước cho người bán

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngắn hạn		
Trả trước cho người bán		
- Công ty Techcovina GP Nhà thông minh	5.381.880.520	5.381.880.520
Trả trước cho người bán khác	23.953.022.692	28.990.566.081
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	<u>13.000.000.000</u>	<u>13.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>42.334.903.212</u>	<u>47.372.446.601</u>

7. PHẢI THU VÊ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Cho vay ngắn hạn khác (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (**) (Thuyết minh số 31)	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.000.000.000</u>	<u>11.000.000.000</u>

(*) Đây là khoản cho bà Nguyễn Phương Hải vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 6.000.000.000 đồng có kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 9%/năm theo thỏa thuận ban đầu. Công ty tạm dừng tính lãi vay đối với khoản cho vay này kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 theo thỏa thuận mới. Nợ gốc và lãi của khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VÉ CHO VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(**) Đây là khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 5.000.000.000 đồng có kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 14%/năm theo thỏa thuận ban đầu. Công ty tạm dừng tính lãi vay đối với khoản cho vay này kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 theo thỏa thuận mới.

8. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà (i)	7.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương	-	-	1.535.736.137	-
Phải thu Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	1.057.777.778	-	1.057.777.778	-
Tạm ứng cho nhân viên Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (ii)	22.447.783.631	-	14.618.586.541	-
Phải thu hàng mượn thử nghiệm (iii)	7.607.894.918	-	7.708.748.659	-
Phải thu Ông Nguyễn Đức Thiện	2.348.010.366	-	2.348.010.366	-
Phải thu Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	-	-	3.148.000.000	-
Phải thu Bà Nguyễn Phương Hải	2.005.750.000	(1.841.500.000)	2.005.750.000	(1.610.425.000)
Phải thu Ông Đặng Tùng Anh	1.700.000.000	-	2.040.125.000	-
Phải thu Bà Phan Thị Thủy Dung	1.100.000.000	-	1.296.455.556	-
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	7.295.499.634	-	7.820.490.701	-
	58.272.925.551	(1.841.500.000)	60.662.929.310	(1.610.425.000)
Dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	938.010.000	-	936.210.000	-
	938.010.000	-	936.210.000	-
TỔNG CỘNG	59.210.935.551	(1.841.500.000)	61.599.039.310	(1.610.425.000)
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu khác	58.126.073.132	(1.841.500.000)	60.514.176.891	(1.610.425.000)
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.084.862.419	-	1.084.862.419	-

(i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007. Công ty hiện đang làm việc với các nhà đầu tư khác liên quan đến dự án bất động sản này để thu hồi khoản góp vốn nêu trên.

(ii) Chủ yếu bao gồm các khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội để thực hiện các hợp đồng nhập khẩu thiết bị.

(iii) Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm chủ yếu bao gồm các khoản nhân viên mượn hàng đi lắp đặt chạy thử cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	2.030.531.116	-	2.513.128.986	-
Công cụ, dụng cụ	1.067.504.041	-	1.046.947.948	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	97.419.093.867	-	81.888.973.538	-
Thành phẩm	4.672.615.596	-	2.886.629.568	-
Hàng hóa	28.245.471.688	(56.697.730)	24.670.839.736	-
TỔNG CỘNG	133.435.216.308	(56.697.730)	113.006.519.776	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	79.536.694.516	85.953.262.559	23.635.573.388	16.564.369.255	378.708.082	206.068.607.800
- Mua trong kỳ	-	4.544.149.704	3.659.200.000	77.300.000	-	8.280.649.704
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.134.690.213	-	-	-	-	2.134.690.213
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.405.571.584)	-	-	(1.405.571.584)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>81.671.384.729</u>	<u>90.497.412.263</u>	<u>25.889.201.804</u>	<u>16.641.669.255</u>	<u>378.708.082</u>	<u>215.078.376.133</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã hết khấu hao</i>	-	9.413.101.709	3.298.648.412	-	-	12.711.750.121
Giá trị hao mòn:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.687.856.894	13.760.202.212	16.133.643.938	5.229.910.198	132.534.430	42.944.147.672
- Khấu hao trong kỳ	1.651.051.678	9.669.026.298	1.814.186.457	1.346.911.178	37.870.812	14.519.046.423
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.405.571.584)	-	-	(1.405.571.584)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>9.338.908.572</u>	<u>23.429.228.510</u>	<u>16.542.258.811</u>	<u>6.576.821.376</u>	<u>170.405.242</u>	<u>56.057.622.511</u>
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>71.848.837.622</u>	<u>72.193.060.347</u>	<u>7.501.929.450</u>	<u>11.334.459.057</u>	<u>246.173.652</u>	<u>163.124.460.128</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>72.332.476.157</u>	<u>67.068.183.753</u>	<u>9.346.942.993</u>	<u>10.064.847.879</u>	<u>208.302.840</u>	<u>159.020.753.622</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 19)</i>	1.392.857.143	-	4.117.102.195	-	-	5.509.959.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Quyền khai thác thăm dò (*)	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	11.100.000.000	10.794.353.576	43.039.881	21.937.393.457
Mua trong kỳ	-	436.600.000	-	436.600.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	11.100.000.000	11.230.953.576	43.039.881	22.373.993.457
Giá trị hao mòn:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	8.170.833.333	2.735.928.713	5.021.318	10.911.783.364
Khấu trừ trong kỳ	925.000.000	2.011.453.445	4.303.986	2.940.757.431
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	9.095.833.333	4.747.382.158	9.325.304	13.852.540.795
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.929.166.667	8.058.424.863	38.018.563	11.025.610.093
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	2.004.166.667	6.483.571.418	33.714.577	8.521.452.662

(*) Đây là quyền khai thác thăm dò mỏ đồng tại Khuổi Kim Nà Pi, xã Liêm Thủy, huyện Na Ri, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy phép hoạt động khoáng sản số 2523/GP-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 18 tháng 8 năm 2009 cho Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn. Quyền khai thác thăm dò này phát sinh từ việc Công ty mua và nắm quyền kiểm soát đối với công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Dự án Thanh Trì (*)	32.861.892.612	32.564.011.612
Dự án xây dựng nhà máy Hòa Lạc	17.721.645.925	-
Dự án khai thác mỏ đồng Na Ri (**)	12.324.294.896	11.882.303.314
Xây dựng hệ thống phòng sạch	-	1.368.873.980
Dự án Công nghệ vật liệu mới	293.882.247	679.722.491
Dự án Từ Liêm	246.601.885	246.601.885
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	130.590.000	478.542.635
TỔNG CỘNG	63.578.907.565	47.220.055.917

(*) Đây là các khoản chi phí liên quan đến việc đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và các chi phí khác để thực hiện Dự án xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và các chức năng khác theo quy hoạch tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Công ty đã được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận tại Công văn số 4119/UBND-KH&ĐT ngày 13 tháng 5 năm 2009 về việc cho phép Công ty nghiên cứu lập và triển khai dự án này theo phương thức tự thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Dự án hiện đang trong giai đoạn xin cấp phép quy hoạch mới.

(**) Đây là dự án khai thác quặng đồng tại Khuổi Kim – Nà Pì, xã Liêm Thủy, huyện Nà Ri, tỉnh Bắc Kạn do công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn thực hiện. Chi phí của Dự án chủ yếu liên quan đến các chi phí ban đầu để thăm dò, khai thác thử nghiệm quặng đồng và chi phí triển khai dự án.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	9.223.603.612	13.249.150.784
Đầu tư dài hạn khác	13.2	123.711.049.500	144.403.982.001
- Đầu tư cổ phiếu		85.939.549.500	105.675.448.324
- Đầu tư dài hạn khác		37.771.500.000	38.728.533.677
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		<u>(2.625.711.107)</u>	<u>(19.078.873.726)</u>
TỔNG CỘNG		130.308.942.005	138.574.259.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	31,55%	40%
Công ty Cổ phần Telsoft	30%	30%

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty Cổ phần Telsoft	Tổng cộng
Giá trị đầu tư:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.000.000.000	3.000.000.000	5.000.000.000
Giảm giá trị đầu tư	(422.410.000)	-	(422.410.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	1.577.590.000	3.000.000.000	4.577.590.000
Phản lũy kế lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua công ty liên kết:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.917.063.123	332.087.661	8.249.150.784
Phản lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	563.596.044	(667.586.365)	(103.990.321)
Giảm do bán một phần khoản đầu tư	(1.774.645.766)	-	(1.774.645.766)
Giảm khác	(1.600.273.591)	(124.227.494)	(1.724.501.085)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	5.105.739.810	(459.726.198)	4.646.013.612
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9.917.063.123	3.332.087.661	13.249.150.784
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	6.683.329.810	2.540.273.802	9.223.603.612

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0101816274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu 4 tháng 11 năm 2005 và thay đổi lần 5 ngày 30 tháng 9 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom là cung cấp các thiết bị xử lý nước thải và các sản phẩm điện tử tự động hóa khác. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty nắm 31,55% vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết này.

Công ty Cổ phần Telsoft

Công ty Cổ phần Telsoft là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0102756187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 8 tháng 7 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 10 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại số 102/125 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Telsoft là sản xuất gia công thiết kế và mua bán phần mềm, cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty nắm 30% vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015				Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư cổ phiếu (*)		85.939.549.500	2.625.711.107	83.313.838.393		105.675.448.324	19.078.873.726	86.596.574.598
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đồng Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	714.689.311	27.875.310.689	1.250.000	28.590.000.000	584.809.797	28.005.190.203
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000	-	115.000.000	14.689	115.000.000	-	115.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long xanh	36.000	360.000.000	-	360.000.000	36.000	360.000.000	-	360.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hà Giang	-	-	-	-	30.000	300.000.000	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam	-	-	-	-	1.645.000	21.100.898.824	17.380.545.581	3.720.353.243
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin IPMAC	30.000	750.000.000	-	750.000.000	30.000	750.000.000	-	750.000.000
Công ty Cổ phần Trung Văn	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	916.500	9.165.000.000	1.911.021.796	7.253.978.204	750.000	7.500.000.000	1.113.518.348	6.388.481.652
Đầu tư dài hạn khác		37.771.500.000	-	37.771.500.000		38.728.533.677	-	38.728.533.677
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (**)		37.771.500.000	-	37.771.500.000		37.771.500.000	-	37.771.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Đồng Dương (*)		-	-	-		957.033.677	-	957.033.677
TỔNG CỘNG		123.711.049.500	2.625.711.107	121.085.338.393		144.403.982.001	19.078.873.726	125.325.108.275

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

(**) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	153.584.560	130.373.025
Chi phí sửa chữa	28.922.497	62.574.189
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	255.444.095	473.446.887
TỔNG CỘNG	437.951.152	666.394.101
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.042.816.012	8.891.090.886
Chi phí cải tạo, sửa chữa	2.056.007.521	1.580.080.630
Tiền thuê đất	11.205.960.399	1.833.333.346
Chi phí dự án thử nghiệm vi sinh	6.946.230.714	5.939.858.167
Chi phí trả trước dài hạn khác	877.461.460	156.328.987
TỔNG CỘNG	24.128.476.106	18.400.692.016

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
	<i>Lợi thế thương mại từ giao dịch mua Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	21.572.600.000
Giảm khác	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>21.572.600.000</u>
Phân bổ lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	15.100.820.000
Phân bổ trong kỳ	1.078.630.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>16.179.450.000</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>6.471.780.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>5.393.150.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16.1 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Ngắn hạn				
Phải trả cho người bán	131.482.831.408	131.482.831.408	176.987.120.566	176.987.120.566
- Công ty TNHH Comverse	60.312.186.480	60.312.186.480	63.421.898.400	63.421.898.400
- Công ty SIAE Microelettronica S.P.A	13.673.268.082	13.673.268.082	23.036.690.793	23.036.690.793
Phải trả cho người bán khác	57.497.376.846	57.497.376.846	90.528.531.373	90.528.531.373
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	4.136.524.486	4.136.524.486	4.712.115.945	4.712.115.945
TỔNG CỘNG	135.619.355.894	135.619.355.894	181.699.236.511	181.699.236.511

16.2 Người mua trả tiền trước

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Người mua trả tiền trước		
- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	13.360.800.000	-
- Ông Nguyễn Văn Hòa	3.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần B.O.T	3.639.253.613	-
- Công ty Thông tin Di động	-	7.673.443.000
- Cục Kỹ Thuật Nghiệp Vụ I	-	9.203.824.000
- Người mua trả tiền trước khác	8.382.766.481	14.124.959.998
Các bên liên quan trả tiền (Thuyết minh số 31)	-	23.607.447
TỔNG CỘNG	29.182.820.094	31.025.834.445

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	9.964.332	8.872.643.336	8.718.848.859	163.758.809
Thuế xuất, nhập khẩu	-	797.542.343	797.542.343	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30.2)	6.397.959.316	1.197.883.089	7.482.516.006	113.326.399
Thuế thu nhập cá nhân	5.995.715.973	3.377.249.132	6.493.473.632	2.879.491.473
Thuế nhà thầu	-	253.797.921	253.797.921	-
Các loại thuế khác	30.951.428	371.039.620	111.474.917	290.516.131
TỔNG CỘNG	12.434.591.049	14.870.155.441	23.857.653.678	3.447.092.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải trả vốn hợp tác kinh doanh (*)	64.000.000.000	-
Kinh phí công đoàn	4.004.314.320	3.808.979.320
Thù lao trả cho Hội đồng Quản trị	3.404.882.230	3.404.882.230
Phải trả hàng nhận bảo hành	1.816.164.170	1.680.925.059
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	956.990.567	1.361.093.567
Nhập khẩu ủy thác phải trả	-	8.004.108.824
Cổ tức phải trả cho cổ đông	797.729.028	731.116.383
Phải trả phải nộp khác	17.807.072.196	9.908.636.645
TỔNG CỘNG	92.787.152.511	28.899.742.028
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i> (Thuyết minh số 31)	889.725.854	1.273.828.854
<i>Phải trả khác</i>	91.897.426.657	27.625.913.174

(*) Đây là khoản tiền đã nhận từ Công ty Cổ phần Bất động sản Thanh Liệt theo hợp đồng liên doanh hợp tác đầu tư số 01/2014/HĐĐT/ELCOM-BĐSTHANH LIET để thực hiện Dự án xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và các chức năng khác theo quy hoạch tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì (Thuyết minh số 12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		<i>Trong kỳ</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngắn hạn						
Vay cá nhân	12.724.500.000	12.724.500.000	460.000.000	(7.550.000.000)	5.634.500.000	5.634.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.520.147.000	5.520.147.000	11.876.978.931	(9.638.116.431)	7.759.009.500	7.759.009.500
Vay ngân hàng	55.850.180.699	55.850.180.699	45.555.893.772	(89.422.524.082)	11.983.550.389	11.983.550.389
	74.094.827.699	74.094.827.699	57.892.872.703	(106.610.640.513)	25.377.059.889	25.377.059.889
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	33.290.524.217	33.290.524.217	70.902.797.568	(11.876.978.931)	92.316.342.854	92.316.342.854
	33.290.524.217	33.290.524.217	70.902.797.568	(11.876.978.931)	92.316.342.854	92.316.342.854
TỔNG CỘNG	107.385.351.916	107.385.351.916	128.795.670.271	(118.487.619.444)	117.693.402.743	117.693.402.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngắn hạn

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	3.659.547.380	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 12 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 29 tháng 11 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng	7% - 8,3%	Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Đức Thiện.
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3.917.755.693	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 12 tháng. Gốc vay được trả 1 lần vào ngày đáo hạn, lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, đáo hạn ngày 25 tháng 9 năm 2015	7,7% - 8,3%	620.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông thuộc quyền sở hữu của Ông Nguyễn Đức Thiện và số tiết kiệm của ông Nguyễn Đức Thiện tại Techcombank
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	4.406.247.316	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 29 tháng 12 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng	6,7%	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
Bà Trịnh Thái Thường	920.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng, đáo hạn ngày 30 tháng 10 năm 2015, lãi vay trả cùng gốc vay	0%	Tín chấp
Ông Ngô Quý Hiệp	2.500.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng, đáo hạn ngày 2 tháng 8 năm 2015, lãi vay trả cùng gốc vay	5%	Tín chấp
Bà Trần Thị Phương	2.214.500.000	Kỳ hạn vay 6-9 tháng, đáo hạn cuối cùng vào ngày 9 tháng 9 năm 2015, lãi vay trả cùng gốc vay	0%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thăng Long – Khoản vay dài hạn đến hạn trả	7.759.009.500	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng	8%	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
TỔNG CỘNG	<u>25.377.059.889</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Các khoản vay dài hạn

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	14.511.968.504	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng, khoản gốc vay cuối cùng được trả vào tháng 12 năm 2018	8%	Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của Công ty và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội	77.804.374.350	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng, khoản gốc vay cuối cùng được trả vào tháng 12 năm 2022	8%	Khoản vay được thế chấp bằng khoản phải thu hình thành trong tương lai từ dự án VTS Hải Phòng
TỔNG CỘNG	<u>92.316.342.854</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
	<i>Dự phòng chi phí bảo hành</i>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.474.894.969
- Tăng trong kỳ	5.997.647.670
- Sử dụng trong kỳ	(2.296.536.499)
- Hoàn nhập dự phòng không sử dụng	(1.231.349.712)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>9.944.656.428</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>	2.443.820.337
<i>Dự phòng phải trả dài hạn</i>	7.500.836.091

Dự phòng chi phí bảo hành

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa và trả lại trong quá khứ, Công ty và các công ty con đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty và các công ty con được bán ra trong 1,5 năm qua. Công ty và các công ty con tin rằng chi phí bảo hành đã dự phòng này sẽ được sử dụng phần lớn trong giai đoạn sáu tháng tiếp theo và sẽ được sử dụng hết trong vòng 1,5 năm kể từ kỳ này. Công ty và các công ty con ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng trả lại, sửa chữa trong thời hạn từ một đến 1,5 năm bảo hành cho toàn bộ sản phẩm bán ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Kỳ trước								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	373.399.090.000	117.832.900.000	-	33.101.340.540	5.200.000.000	116.423.643.298	6.700.809.250	652.657.783.088
- Tăng vốn trong kỳ	6.000.000.000	600.000.000	-	-	-	-	-	6.600.000.000
- Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	-	6.263.156.861	(40.000.828)	6.223.156.033
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(30.351.927.200)	-	(30.351.927.200)
- Trích lập quỹ	-	-	-	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.100.000.000)	-	(4.100.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(71.500.000)	-	-	-	-	(71.500.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(29.045.346)	-	(29.045.346)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)	<u>379.399.090.000</u>	<u>118.432.900.000</u>	<u>(71.500.000)</u>	<u>36.101.340.540</u>	<u>5.200.000.000</u>	<u>85.205.827.613</u>	<u>6.660.808.422</u>	<u>630.928.466.575</u>
Kỳ này								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	379.399.090.000	118.432.900.000	(71.500.000)	36.101.340.540	5.200.000.000	142.832.618.776	17.595.251.424	699.489.700.740
- Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	-	8.552.105.571	(717.415.963)	7.834.689.608
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(45.520.090.800)	-	(45.520.090.800)
- Trích lập quỹ	-	-	-	1.800.000.000	-	(1.800.000.000)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.800.000.000)	-	(6.800.000.000)
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(330.000.000)	-	-	-	-	(330.000.000)
- (Giảm)/tăng khác	-	-	-	(2.409.622.539)	43.466.369	-	-	(2.366.156.170)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>379.399.090.000</u>	<u>118.432.900.000</u>	<u>(401.500.000)</u>	<u>35.491.718.001</u>	<u>5.243.466.369</u>	<u>97.264.633.547</u>	<u>16.877.835.461</u>	<u>652.308.143.378</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	379.399.090.000	379.399.090.000	-	379.399.090.000	379.399.090.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	118.432.900.000	118.432.900.000	-	118.432.900.000	118.432.900.000	-
Cổ phiếu quỹ	(401.500.000)	(401.500.000)	-	(71.500.000)	(71.500.000)	-
	<u>497.430.490.000</u>	<u>497.430.490.000</u>	<u>-</u>	<u>497.760.490.000</u>	<u>497.120.490.000</u>	<u>-</u>

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VNĐ

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Vốn cổ phần đã góp		
Vốn góp đầu kỳ	379.399.090.000	373.399.090.000
Tăng vốn trong kỳ	-	6.000.000.000
Giảm vốn trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	<u>379.399.090.000</u>	<u>379.399.090.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	45.520.090.800	30.351.927.200

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2014: 10.000 VNĐ)

21.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VNĐ

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Cổ tức đã công bố trong kỳ	45.520.090.800	30.351.927.200
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	45.520.090.800	30.351.927.200
- Cổ tức cho năm 2013: 800 VNĐ/cổ phiếu	-	30.351.927.200
- Cổ tức cho năm 2014: 1.200 VNĐ/ cổ phiếu	45.520.090.800	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	-	-

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
Cổ phiếu đã được duyệt	37.939.909	379.399.090.000	37.939.909	379.399.090.000
Cổ phiếu đã phát hành	37.939.909	379.399.090.000	37.939.909	379.399.090.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>37.939.909</i>	<i>379.399.090.000</i>	<i>37.939.909</i>	<i>379.399.090.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	37.939.909	379.399.090.000	37.939.909	379.399.090.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	36.500	401.500.000	6.500	71.500.000
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	<i>36.500</i>	<i>401.500.000</i>	<i>6.500</i>	<i>71.500.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	36.500	401.500.000	6.500	71.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	37.903.409	378.997.590.000	37.933.409	379.327.590.000
Cổ phiếu phổ thông	37.903.409	378.997.590.000	37.933.409	379.327.590.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	433.033	12.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới</i>	<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn</i>	<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân Hòa Lạc</i>	<i>Công ty Cổ phần Elcom Plus</i>	<i>Công ty TNHH VTS Hải Phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Kỳ này						
Số đầu kỳ	29.957.477	6.587.253.461	(1.709.053.186)	6.383.617.244	6.303.476.428	17.595.251.424
Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát tăng thêm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Phần lỗ thuộc về cổ đông không kiểm soát trong kỳ	(16.349.032)	(23.109.227)	(338.968.635)	(111.628.398)	(227.360.671)	(717.415.963)
Số cuối kỳ	13.608.445	6.564.144.234	(2.048.021.821)	6.271.988.846	6.076.115.757	16.877.835.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Tổng doanh thu	258.747.226.828	111.885.519.061
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>50.409.901.036</i>	<i>31.730.019.442</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>162.136.586.572</i>	<i>43.121.600.935</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	<i>34.317.297.539</i>	<i>17.614.161.600</i>
<i>Doanh thu thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác</i>	<i>11.883.441.681</i>	<i>19.419.737.084</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	258.747.226.828	111.885.519.061
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>50.409.901.036</i>	<i>31.730.019.442</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>162.136.586.572</i>	<i>43.121.600.935</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	<i>34.317.297.539</i>	<i>17.614.161.600</i>
<i>Doanh thu thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác</i>	<i>11.883.441.681</i>	<i>19.419.737.084</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>258.492.726.828</i>	<i>111.885.519.061</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>254.500.000</i>	<i>-</i>

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.311.586.513	1.489.886.610
Cổ tức, lợi nhuận được chia	408.297.703	478.685.576
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	300.000.000	-
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	8.245.844.879
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.366.254.304	6.841.440
TỔNG CỘNG	3.386.138.520	10.221.258.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Giá vốn của hàng hóa	132.966.780.711	28.503.636.755
Giá vốn cung cấp dịch vụ	33.423.166.551	18.773.944.124
Giá vốn thành phẩm đồng, composite và khác	12.421.599.647	18.116.364.209
Giá vốn của thành phẩm phần mềm	14.311.641.452	5.893.396.541
TỔNG CỘNG	<u>193.123.188.361</u>	<u>71.287.341.629</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lãi tiền vay	2.337.194.239	2.955.596.560
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.428.015.740	633.378.229
Lỗ nhượng bán chứng khoán	1.426.077.452	1.001.701.800
Dự phòng các khoản đầu tư	927.382.962	-
Chi phí tài chính khác	16.459	-
TỔNG CỘNG	<u>11.118.686.852</u>	<u>4.590.676.589</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí bảo hành thành phẩm phần mềm	57.639.063	141.706.706
Chi phí bảo hành phần cứng	5.412.257.427	(2.340.159.573)
Chi phí vật tư thiết bị thử nghiệm	292.372.870	28.670.663
Chi phí bằng tiền khác	5.804.856.621	6.343.329.799
TỔNG CỘNG	<u>11.567.125.981</u>	<u>4.173.547.595</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	23.059.906.034	17.906.758.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.247.502.421	5.462.038.079
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.200.045.288	3.938.327.174
Chi phí bằng tiền khác	4.003.948.845	5.771.838.911
Phân bổ lợi thế thương mại	1.078.630.000	1.078.630.000
TỔNG CỘNG	<u>36.590.032.588</u>	<u>34.157.592.854</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Thu nhập khác	7.970.321.635	53.326.287
Thu nhập khác từ các chương trình gameshow	1.600.000.000	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	92.727.273	-
Thu nhập liên quan đến dự án VBCF (*)	6.065.969.500	-
Thu nhập khác	211.624.862	53.326.287
Chi phí khác	8.749.164.499	312.251.524
Phạt chậm hợp đồng	473.133.105	123.416.260
Chi phí liên quan đến dự án VBCF (*)	6.757.742.225	-
Phạt thuế	1.227.563.580	-
Chi phí khác	290.725.589	188.835.264
GIÁ TRỊ THUẬN	(778.842.864)	(258.925.237)

(*) Đây là khoản thu nhập khác nhận được từ Dự án Quỹ thách thức Doanh nghiệp Việt Nam ("VBCF") theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông và VBCF ký ngày 14 tháng 4 năm 2014 do Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa xuân Hòa Lạc, công ty con của Công ty thực hiện. Các khoản tài trợ nhận được từ VBCF được ghi nhận là thu nhập khác và những chi phí phát sinh liên quan đến việc thực hiện Dự án VBCF sẽ được ghi nhận là chi phí khác tương ứng.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Chi phí mua hàng hóa	133.579.636.710	31.896.333.045
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.960.391.320	17.496.104.135
Chi phí nhân công	35.200.726.952	27.501.432.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.459.803.854	12.755.967.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.530.840.527	13.779.025.472
Chi phí bằng tiền khác	18.548.947.567	6.189.618.631
TỔNG CỘNG	241.280.346.930	109.618.482.077

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2005), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành bằng 22% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	762.656.752	441.990.846
Chi phí thuế TNDN của các năm trước	435.226.337	-
Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	<u>(181.074.316)</u>	<u>21.904.104</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.016.808.773</u>	<u>463.894.950</u>

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lợi nhuận thuần trước thuế	8.851.498.381	6.687.050.983
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán	2.922.069.695	724.061.670
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản phạt	1.199.371.072	7.000.000
Khoản dự phòng	-	20.500.000
Tiền khấu hao không theo quy định	355.044.870	268.646.015
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	1.367.653.753	427.915.655
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(1.492.851.058)	(722.576.040)
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	870.800.342	645.402.291
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ kỳ trước	11.151.517.360	7.333.938.904
<i>Lợi nhuận từ kinh doanh phần mềm</i>	16.438.373.669	8.839.816.913
<i>Lỗ từ kinh doanh hàng hóa và dịch vụ</i>	(1.185.238.624)	(565.278.710)
<i>Lỗ từ các công ty con (*)</i>	(4.101.617.685)	(940.599.299)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	11.151.517.360	7.333.938.904
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện tại	762.656.752	441.990.846
<i>Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ, phần mềm</i>	762.656.752	441.990.846
<i>Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ hàng hóa</i>	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	6.397.959.316	5.407.949.539
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước (**)	435.226.337	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(7.482.516.006)	(1.859.807.382)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	113.326.399	3.990.133.003

(*) Đây là khoản lỗ trong kỳ của các công ty con. Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

(**) Đây là khoản thuế TNDN phải nộp bổ sung cho quyết toán thuế năm tài chính 2012 và 2013 căn cứ theo Quyết định số 28801/QĐ-CT-Ktra về việc xử phạt vi phạm về thuế qua việc kiểm tra chấp hành pháp luật thuế của Cục thuế Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi / (lỗ) chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	2.407.904.966	2.226.830.650	181.074.316	(21.904.104)
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			181.074.316	(21.904.104)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VNĐ	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Công ty Cổ phần Telsoft	Công ty liên kết	Doanh thu từ hỗ trợ phần mềm	254.500.000	-
Ông Phan Chiến Thăng	Tổng Giám đốc	Cho Công ty thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	150.000.000	628.500.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và bán hàng cho các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VNĐ	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Telsoft	Công ty liên kết	Hỗ trợ phần mềm	329.585.933	-
Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogé France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho thuê văn phòng	163.200.000	163.200.000
			492.785.933	163.200.000
Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 6.2)				
Ông Trần Hùng Giang (*)	Phó Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Vợ ông Phan Chiến Thăng	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	- Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	5.980.000.000	5.980.000.000
			13.000.000.000	13.000.000.000

(*) Đây là các khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho vay ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
			5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Phải thu khác (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Liên doanh dược phẩm Elogre France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho vay không lãi suất	700.000.000	700.000.000
		Phải thu lãi vay	357.777.778	357.777.778
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Cho vay không lãi	7.800.000	7.800.000
		Hàng gửi bảo hành	19.284.641	19.284.641
			1.084.862.419	1.084.862.419
<i>Phải trả người bán (Thuyết minh số 16.1)</i>				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Nhập phần mềm, mua hàng hóa	4.136.524.486	4.712.115.945
			4.136.524.486	4.712.115.945
<i>Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 16.2)</i>				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	-	23.607.447
			-	23.607.447
<i>Phải trả khác (Thuyết minh số 18)</i>				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Nhận ký quỹ, ký cược để thực hiện hợp đồng	889.725.854	1.273.828.854
			889.725.854	1.273.828.854

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lương và thưởng	1.524.960.000	1.572.998.000
	1.524.960.000	1.572.998.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.552.105.571	6.263.156.861
Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(688.826.710)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.552.105.571	5.574.330.151
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	40.959.498	40.777.742
<i>Ảnh hưởng suy giảm</i>		
Cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	40.959.498	40.777.742
- <i>Lãi cơ bản</i>	209	137
- <i>Lãi suy giảm</i>	209	137

(*) Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa có kế hoạch phân chia quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty và các công ty con. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Công ty và các công ty con.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>						
	<i>Thành phẩm phần mềm</i>	<i>Hàng hóa</i>	<i>Dịch vụ</i>	<i>Thành phẩm đồng, composite, khác</i>	<i>Thành phẩm khác (Sản phẩm eBop)</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015							
Doanh thu							
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	34.317.297.539	162.136.586.572	50.409.901.036	11.592.750.000	290.691.681	-	258.747.226.828
<i>Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận</i>	9.959.622.500	68.719.923.019	16.585.570.319	-	-	(95.265.115.838)	-
<i>Giá vốn các bộ phận</i>	14.311.641.452	132.966.780.711	33.423.166.551	12.155.971.908	265.627.739	-	193.123.188.361
Kết quả							
<i>Lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế của bộ phận</i>	20.005.656.087	29.169.805.861	16.986.734.485	(563.221.908)	25.063.942	-	65.624.038.467
<i>Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)</i>							(56.772.540.086)
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>							8.851.498.381
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp/phần lợi</i>							(1.016.808.773)
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>							7.834.689.608
Tài sản và công nợ							
<i>Tài sản bộ phận</i>	69.784.720.930	329.707.094.029	102.509.262.914	23.574.024.809	591.125.738	-	526.166.228.420
<i>Tài sản không phân bổ (*)</i>							530.992.026.984
<i>Tổng tài sản</i>							1.057.158.255.405
<i>Công nợ bộ phận</i>	23.171.628.967	109.477.409.221	34.037.631.365	7.827.623.996	196.280.018	-	174.710.573.567
<i>Công nợ không phân bổ (*)</i>							230.139.538.460
<i>Tổng công nợ</i>							404.850.112.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản cố định khác.

Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản vay ngân hàng và một số khoản phải trả khác.

Thông tin về doanh thu, tổng tài sản và tổng chi phí mua tài sản cố định của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con như sau.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>				<i>Tổng cộng</i>
	<i>Hà Nội</i>	<i>Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>Nước ngoài</i>	<i>Địa phương khác</i>	
Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	222.760.492.240	2.025.631.627	24.615.152.279	9.345.950.682	258.747.226.828
Tổng tài sản không phân bổ					1.057.158.255.405
Tổng chi phí mua TSCĐ không phân bổ					9.461.514.392

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty và các công ty con có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đến 1 năm	822.000.000	2.204.452.000
Trên 1 – 5 năm	-	136.734.000
	822.000.000	2.341.186.000

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đến 1 năm	7.454.047.752	2.238.819.840
Trên 1 – 5 năm	392.767.232	1.563.893.760
	7.846.814.984	3.802.713.600

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

STT	Bên nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty	Số vốn thực góp	Đơn vị tính: VNĐ
				Số vốn chưa góp
1	Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom	25.000.000.000	-	25.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa xuân	22.500.000.000	9.165.000.000	13.335.000.000
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000	707.260.000
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
6	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
		538.418.000.000	66.057.240.000	472.360.760.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các tổn thất tiềm tàng

Tổn thất tiềm tàng liên quan đến các khoản phải thu khác

Như được trình bày tại Thuyết minh số 8, Công ty có khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà ("Công ty Bắc Hà"). Đây là hợp đồng đã tồn đọng trong thời gian dài và Công ty hiện đang gặp khó khăn trong công tác thu hồi các khoản công nợ này do Công ty Bắc Hà đang gặp khó khăn về tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện đang làm việc với các bên có liên quan đến hợp đồng nêu trên để tiến hành thu hồi khoản vốn đầu tư của Công ty. Trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ và do đó, không cần phải trích lập dự phòng tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015.

35. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>		<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)</i>
	<i>Trình bày lại</i>		
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Đầu tư ngắn hạn	22.234.215.740	(17.820.000.000)	4.414.215.740
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	6.820.000.000	6.820.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Các khoản phải thu khác	36.961.094.197	23.701.735.113	60.662.829.310
Tài sản ngắn hạn khác	23.701.735.113	(23.701.735.113)	-
Phải thu dài hạn khác	-	936.210.000	936.210.000
Tài sản dài hạn khác	936.210.000	(936.210.000)	-
Doanh thu chưa thực hiện (ngắn hạn)	-	5.002.024.920	5.002.024.920
Doanh thu chưa thực hiện (dài hạn)	5.002.024.920	(5.002.024.920)	-
Quỹ đầu tư phát triển	20.584.145.194	15.517.195.346	36.101.340.540
Quỹ dự phòng tài chính	15.517.195.346	(15.517.195.346)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 001/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01-06/2015/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 6 năm 2015 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu phổ thông để tăng vốn cổ phần, với tổng số cổ phần phát hành thêm là 3.032.089 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Vào ngày 21 tháng 7 năm 2015, Công ty đã chính thức phát hành và niêm yết số lượng cổ phiếu này.

Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 01-03/2015/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2015 thì HĐQT giao cho Ban Giám đốc tái cơ cấu lại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần kỹ thuật Elcom. Theo đó, ngày 21 tháng 8 năm 2015, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông có thông báo số 411/CV-EL về việc giảm tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần kỹ thuật Elcom từ 31,55% vốn điều lệ xuống còn 15,7% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty Cổ phần kỹ thuật Elcom không còn là công ty liên kết của Công ty.

Ngoài các sự kiện trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Người lập
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2015